

DANH SÁCH THẨM ĐỊNH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
THEO NGHỊ ĐỊNH 81/2021/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ
NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo công văn số 1476/PGDDT ngày 28/10/2024 của Phòng giáo dục thành phố Hạ Long)

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
		MN Đại Yên								
1	1	Trần Hoàng Đăng Khôi	21/10/2018	5TA2	Tổ 1- Khu Đại Đán - phường Đại Yên, TP Hạ Long	Trẻ em học mẫu giáo bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		MN Hà Phong							-	
2	1	Phạm Tuấn Anh	12/29/2019	5TA4	Tổ 65, Khu 8, phường Hà Phong, TP Hạ Long	Trẻ em học mẫu giáo bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		MN Hà Khẩu							-	
3	1	Nguyễn Minh Đạt	27/11/2019	5TA2	Tổ 5, khu 10, phường Hoàn Bò, TP Hạ Long	Trẻ em học mẫu giáo bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
4	2	Triệu Ngọc Hoàn	18/07/2019	5TA3	Tổ 18, khu 2, phường Hà Khẩu, TP Hạ Long	Trẻ em học mẫu giáo bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		MN Trới							-	
5	1	Bùi Thành Đại	03/07/2019	5 tuổi A1	Khu Trới 5, Phường Hoàn Bò, TP Hạ Long	Trẻ em học mẫu giáo bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
6	2	Trần Huyền Anh	23/02/2019	5 tuổi A5	Khu Trới 10, Phường Hoàn Bò, TP Hạ Long	Trẻ em học mẫu giáo bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		MN Thống Nhất							-	
7	1	Trần Bình An	05/04/2019	5 tuổi Xích Thổ	Thôn Xích Thổ, xã Thống Nhất, TP Hạ Long	Trẻ em học mẫu giáo bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
8	2	Đoàn Gia Bảo	17/02/2021	3 tuổi A3	Thôn Chợ, xã Thống Nhất, TP Hạ Long	Trẻ em học mẫu giáo bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		MN Sơn Dương							-	
9	1	Lý Kiều Sương	01/05/2020	3,45 tuổi Đồng Đạng	Thôn Đồng Đạng- xã Sơn Dương, TP Hạ Long	Trẻ em học mẫu giáo bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		MN Quảng La - Dân Chủ							-	
10	1	Bản Xuân Phước	20/03/2017	MG 3,4 5 tuổi	Thôn 6, xã Quảng La, TP Hạ Long	Trẻ em học mẫu giáo bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
11	2	Bản Đức Thịnh	26/06/2020	3 tuổi A	Thôn 6, xã Quảng La, TP Hạ Long	Trẻ em học mẫu giáo bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		MN Lê Lợi							-	
12	1	Đặng Đăng Khoa	30/07/2018	5TA2	Thôn Tân Tiến, xã Lê Lợi, TP Hạ Long, QN	Trẻ em học mẫu giáo bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
13	2	Nguyễn Hoàng Anh Tú	17/07/2019	5TA3	Thôn Tân Tiến, xã Lê Lợi, TP Hạ Long, QN	Trẻ em học mẫu giáo bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
14	3	Linh Đức Thành	26/11/2019	4-5T Yên Mỹ	Thôn Yên Mỹ, xã Lê Lợi, TP Hạ Long	Trẻ em học mẫu giáo bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
15	4	Nguyễn Minh Đức	18/09/2016	4-5T Đê E	Thôn Đê E, xã Lê Lợi, TP Hạ Long	Trẻ em học mẫu giáo bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
16	5	Phùng Tiến Minh	09/08/2019	Lớp 5TA1	Thôn Bằng Xâm Xã Lê Lợi TP Hạ Long	Trẻ em học mẫu giáo bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		MN Tân Dân							-	
17	1	Đào Thị Thảo Vân	15/11/2021	MG 3 tuổi A2	Bản Vàng San, xã Vàng San, Mường Tè, Lai Châu	Trẻ em học mẫu giáo có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo	9	150,000	1,350,000	Khoản 3 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
18	2	Đào Thị Thảo Vy	23/10/2019	MG 5 tuổi A1	Bản Vàng San, xã Vàng San, Mường Tè, Lai Châu	Trẻ em học mẫu giáo có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo	9	150,000	1,350,000	Khoản 3 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		MN Hoa Đào							-	
19	1	Lê Xuân Hiếu	19/11/2020	4TB1	Tổ 21B, Khu 5, phường Hà Khánh, TP Hạ Long	Trẻ em học mẫu giáo bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
20	2	Phạm Minh Quân	10/10/2017	5TA1	Tổ 18B, Khu 3, phường Hà Khánh, TP Hạ Long	Trẻ em học mẫu giáo bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
21	3	Hoàng Nhật Anh	28/01/2020	4TB31	Tổ 12, Khu 2, phường Hà Khánh, TP Hạ Long	Trẻ em học mẫu giáo bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		MN Hạ Long							-	
22	1	Đỗ Vũ Bảo Long	06/12/2020	4TC2	Tổ 3, khu 1, Phường Trần Hưng Đạo, TP Hạ Long	Trẻ em học mẫu giáo bị khuyết tật	14	150,000	2,100,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
23	2	Trương Minh Khang	22/12/2018	5TC3	Tổ 55, khu 4, Phường Hồng Gai, TP Hạ Long, Quảng Ninh	Trẻ em học mẫu giáo bị khuyết tật	14	150,000	2,100,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
24	3	Nguyễn Phi Tuấn	23/05/2018	5TB3	Tổ 4, khu 1, Phường Trần Hưng Đạo, TP Hạ Long	Trẻ em học mẫu giáo bị khuyết tật	5	150,000	750,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		Mầm non Cao Thắng							-	

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
25	1	Bùi Yến Nhi	23/4/2019	5TA1	Tổ 78, khu 9, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Trẻ em học mẫu giáo bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
26	2	Bùi Yến Trang	23/4/2019	5TA5	Tổ 78, khu 9, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Trẻ em học mẫu giáo bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		MN Việt Hưng							-	
27	1	Bùi Chí Thanh	16/07/2019	5TA3	Tổ 4, khu 6, phường Việt Hưng, TP Hạ Long	Trẻ em học mẫu giáo bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
28	2	Đàm Gia Linh	01/12/2029	5TA1	Tổ 1, khu 1, phường Hà Khẩu, TP Hạ Long	Trẻ em học mẫu giáo bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		Tiểu học Việt Hưng							-	
29	1	Đàm Ngọc Như Quỳnh	25/07/2018	1A1	Tổ 3, khu 7, phường Việt Hưng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
30	2	Nguyễn Mạnh Cường	10/11/2018	1A2	Tổ 1, khu 7, phường Việt Hưng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
31	3	Lý Vũ Hiếu Dũng	15/09/2018	1A3	Tổ 4, khu 7, phường Việt Hưng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
32	4	Phạm Hà Ánh Dương	29/12/2017	1A4	Tổ 5, khu 5, phường Việt Hưng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
33	5	Lê Minh Nghĩa	02/11/2016	2A1	Tổ 3, khu 5, phường Việt Hưng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
34	6	Nguyễn Anh Đức	20/01/2017	2A2	Tổ 1, khu 4, phường Việt Hưng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
35	7	Cao Hà Anh	26/03/2016	3A1	Tổ 5, khu 6, phường Việt Hưng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
36	8	Phạm Hải Yến	12/12/2015	3A2	Tổ 1, khu 1, phường Việt Hưng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
37	9	Phạm Trung Kiên	03/02/2015	3A3	Tổ 2, khu 1, phường Việt Hưng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
38	10	Đoàn Đức Chính	11/04/2015	4A3	Tổ 5, khu 4, phường Việt Hưng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
39	11	Nguyễn Hồng Minh	31/08/2014	5A2	Tổ 2, khu 6, phường Việt Hưng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
40	12	Nguyễn Đức Trí	26/11/2014	4A3	Tổ 2, khu 8, phường Việt Hưng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
41	13	Hoàng Minh Quân	10/04/2014	5A4	Tổ 2, khu 13, phường Việt Hưng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		Tiểu học Trới							-	

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
42	1	Bùi Quang Hùng	24/9/2018	1A4	Tổ 4, Khu Trới 3, Phường Hoành Bò, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
43	2	Bùi Quang Hùng	14/10/2018	1A5	Tổ 6, Khu Trới 2, Phường Hoành Bò, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
44	3	Nguyễn Hữu Hùng Cường	31/05/2018	1A4	Tổ 6, Khu Trới 1, Phường Hoành Bò, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
45	4	Vũ Minh Quân	02/02/2017	2A1	Tổ 5, Khu Trới 8, Phường Hoành Bò, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
46	5	Vũ Công Minh	21/11/2017	2A3	Tổ 3, Khu Trới 4, Phường Hoành Bò, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
47	6	Nguyễn Đức Toàn	08/02/2017	2A7	Khu Trới 9, Phường Hoành Bò, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
48	7	Dương Đại Hải	13/10/2016	3A2	Khu Trới 2, Phường Hoành Bò, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
49	8	Phạm Sơn Tùng	31/5/2016	3A3	Khu Trới 4, Phường Hoành Bò, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
50	9	Bùi Quang Hưng	21/02/2015	3A5	Khu Trới 5, Phường Hoành Bò, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
51	10	Đào Văn Hoàng	23/4/2015	4A6	Tổ 6, Khu Trới 1, Phường Hoành Bò, TP Hạ Long, QN	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
52	11	Đào Bảo Ngân	12/02/2014	4A8	Tổ 7, Khu Trới 7, Phường Hoành Bò, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
53	12	Lê Dương Quang Anh	30/09/2014	5A2	Thôn An Biên 1, Xã Lê Lợi, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
54	13	Nguyễn Khánh Huyền	06/05/2014	5A3	Khu trới 5, phường Hoành Bò, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
55	14	Lê Ngọc Yến	26/12/2014	5A5	Khu Trới 5, Phường Hoành Bò, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
56	15	Trần Vân Anh	17/02/2014	5A5	Tổ 7, Khu Trới 1, Phường Hoành Bò, TP Hạ Long, QN	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
57	16	Nguyễn Lan Phương	02/05/2014	5A7	Khu trới 2, P. Hoành Bò	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
58	17	Nguyễn Quỳnh Anh	06/11/2014	5A8	Khu Trới 9, Phường Hoành Bò, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		Tiểu học Lê Lợi							-	

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
59	1	Bùi Hoàng Dương	11/01/2016	2A1	Thôn Bằng Xăm, Xã Lê Lợi, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 3 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
60	2	Ngô Thụy Nhiên	17/1/2014	5A1	Thôn Bằng Xăm, Xã Lê Lợi, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
61	3	Nguyễn Quang Quyền	27/12/2014	5A3	Thôn An Biên 1, Xã Lê Lợi, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
62	4	Nguyễn Tuấn Tài	06/07/2014	5A2	Thôn Tân Tiến, Xã Lê Lợi, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
63	5	Bùi Văn Hòa	08/02/2012	5A3	Thôn Tân Tiến, Xã Lê Lợi, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
64	6	Phạm Ngọc Anh	29/1/2014	5A4	Khu Trới 4, phường Hoàn Hảo, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
65	7	Đoàn Mã Ngọc Hà	19/12/2015	4A1	Thôn Bằng Xăm, Xã Lê Lợi, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo	9	150,000	1,350,000	Khoản 3 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
66	8	Đoàn Mã Ngọc Ngân	5/8/2014	3A1	Thôn Bằng Xăm, Xã Lê Lợi, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo	9	150,000	1,350,000	Khoản 3 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
67	9	Giàng Như Mây	26/6/2015	4A3	Thôn Bằng Xăm, Xã Lê Lợi, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo	9	150,000	1,350,000	Khoản 3 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
68	10	Giàng Ngọc Tuyết	24/6/2018	1A1	Thôn Bằng Xăm, Xã Lê Lợi, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo	9	150,000	1,350,000	Khoản 3 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
69	11	Quảng Thị Ngọc Trâm	29/7/2018	1A3	Thôn Bằng Xăm, Xã Lê Lợi, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo	9	150,000	1,350,000	Khoản 3 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2024
		Tiểu học Hà Lâm							-	
70	1	Lê Trung Kiên	17/07/2017	1A5	Tổ 22, khu 2, phường Bạch Đằng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
71	2	Đỗ Nguyễn Minh Thịnh	11/10/2016	2A3	Tổ 16, khu 2, phường Hà Khánh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
72	3	Bùi Ánh Nguyệt	26/01/2017	2A4	Tổ 12B, khu 2, phường Hà Khánh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
73	4	Trần Thanh Ngân	16/08/2014	3A2	Tổ 1, khu 1, phường Hà Khánh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
74	5	Hoàng Trung Thành	03/10/2014	4A3	Tổ 1, khu 1, phường Hà Lâm, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
75	6	Trương Minh Đạt	08/01/2014	4A5	Tổ 8, khu 1, phường Hà Khánh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
76	7	Đặng Mạnh Quân	19/08/2014	5A1	Tổ 1, khu 1, phường Hà Lâm, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
77	8	Nguyễn Duy An	18/02/2014	5A5	Tổ 48, khu 5, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
78	9	Ngô Duy Hưng	27/07/2014	5A8	Tổ 12, khu 2, phường Hà Khánh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
79	10	Lý Hiếu Thuận	01/01/2017	2A6	Tổ 5, khu 1, phường Hà Lâm, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo	9	150,000	1,350,000	Khoản 3 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		Tiểu học Cao Xanh							-	
80	1	Vũ Minh Châu	22/08/2014	2A3	Tổ 1 Khu 3, phường Trần Hưng Đạo, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
81	2	Phạm Gia Bảo	08/09/2017	2A4	Tổ 60A Khu 5, phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
82	3	Lê Mạnh Hưng	23/05/2016	3A6	Tổ 25 Kh 2B, phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
83	4	Phạm Vũ Quang Anh	23/08/2016	3A6	Tổ 48B Khu 4A, phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
84	5	Đàm Tuệ Quang	16/09/2015	4A2	Tổ 60A Khu 5, phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
85	6	Hà Công Mạnh	20/11/2015	4A2	Tổ 67B Khu 6, phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
86	7	Lý Bảo Anh	11/05/2015	4A3	Tổ 31B khu 3, phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
87	8	Đình Minh Nhật	14/11/2015	4A5	Tổ 37 khu 3, phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
88	9	Nguyễn Thị Khánh Vân	23/01/2013	4A1	Tổ 32 Khu 3, phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
89	10	Phạm Quỳnh Anh	10/08/2014	4A6	Tổ 7 Khu 7, phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
90	11	Phạm Anh Khoa	12/08/2015	4A6	Tổ 20A Khu 2A, phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
91	12	Vì Đức Trung	11/03/2014	5A1	Tổ 9A Khu 7, phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
92	13	Nguyễn Quang Huy	19/01/2014	5A2	Tổ 18 Khu 3 Phường Hà Khánh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
93	14	Nguyễn Thị Trang Kiều	16/11/2014	5A2	Tổ 37A Khu 3, phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
94	15	Mạc Nguyễn Anh Đức	01/11/2016	3A5	Tổ 18 Khu 2, phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		Tiểu học Đại Yên							-	
95	1	Bùi Đình Đạt	23/04/2016	2A1	Phụ Dực, xã Hồng Phúc, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
96	2	Lê Thị Trúc Linh	29/10/2016	2A5	Tổ 3 - Khu Minh Khai, phường Đại Yên, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
97	3	Nguyễn Thành Vinh	06/04/2016	3A3	Tổ 1 - Khu Minh Khai I, phường Đại Yên, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
98	4	Nguyễn Bảo Nam	21/10/2016	3A4	Tổ 2, Yên Cư, phường Đại Yên, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
99	5	Lê Bảo Ngọc	02/07/2015	4A2	Tổ 3 - Khu 1 - phường Đại Yên, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
100	6	Nguyễn Trung Cường	24/06/2015	4A2	Tổ 2 - Khu Minh Khai - phường Đại Yên, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
101	7	Đào Phương Anh	29/08/2014	4A2	Tổ 1 - Cầu Trắng - phường Đại Yên, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
102	8	Vũ Đức Phương	08/12/2013	4A3	Tổ 1 - Quỳnh Trung - phường Đại Yên, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TIỂU HỌC CAO THẮNG							-	
103	1	Nguyễn Phương Anh	19/06/2017	1A6	Tổ 40, Khu 4, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	8	150,000	1,200,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
104	2	Nguyễn Đăng Hiếu	21/12/2017	1A5	Tổ 8, Khu 1b, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
105	3	Trần Gia Bảo	13/11/2017	2A6	Tổ 1, Khu 1a, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
106	4	Đỗ Hoài An	29/05/2017	2A6	Tổ 29, Khu 03, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
107	5	Mai Nguyên Khang	19/12/2017	2A7	Tổ 40, Khu 04, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
108	6	Vũ Bảo Long	15/06/2017	2A9	Tổ 54, Khu 06, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
109	7	Nguyễn Hoàng Tú	05/12/2015	2A10	Tổ 10, Khu 1b, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
110	8	Nguyễn Hoàng Thiên Phú	07/05/2015	3A2	Tổ 76, Khu 9, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
111	9	Nguyễn Thiện Nhân	15/05/2016	3A5	Tổ 64, Khu 7, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
112	10	Đỗ Bảo Long	21/07/2015	4A7	Tổ 56, Khu 6, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
113	11	Vũ Văn Kim	13/03/2015	4A6	Tổ 44b, Khu 4, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
114	12	Phạm Tuấn Hiếu	26/01/2014	4A7	Tổ 62, Khu 6, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
115	13	Đình Minh Hiếu	15/12/2014	4A8	Tổ 19A, Khu 3, phường Hà Khánh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
116	14	Hoàng Nhật Linh	14/11/2013	5A2	Tổ 18, K2A, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
117	15	Nguyễn Quang Anh	02/07/2014	5A6	Tổ 25B, Khu 3, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
118	16	Trần Gia Bảo	18/08/2012	5A4	Tổ 59B, Khu 6, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	8	150,000	1,200,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		Tiểu học Hữu Nghị							-	
119	1	Hoàng Phương Thảo	21/03/2018	1A3	Tổ 32 khu 3 phường Cao Xanh, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Học sinh phổ thông bị khuyết tật
120	2	Phạm Vĩnh Khang	24/07/2014	5A3	Tổ 8 khu 1B phường Cao Thắng, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		Tiểu học Trần Hưng Đạo							-	
121	1	Hoàng Bảo Vượng	24/01/2017	1A4	Tổ 2, Khu 1, P.Trần Hưng Đạo, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
122	2	Phạm Gia Bảo	08/04/2017	2A5	Tổ 3, Khu 1, P.Trần Hưng Đạo, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	14	150,000	2,100,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
123	3	Phạm Hoài An	31/01/2016	3A1	Tổ 46, khu 3, P.Bạch Đằng, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
124	4	Hoàng Tùng Lâm	02/7/2016	3A2	Khu 1, P.Trần Hưng Đạo, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
125	5	Đỗ Bảo An	27/11/2015	3A4	Tổ 8, khu 3, P. Trần Hưng Đạo, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
126	6	Bùi Yến Nhi	30/9/2015	3A7	Tổ 6, khu 3, P. Trần Hưng Đạo, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
127	7	Đoàn Quốc Trường	23/9/2013	4A2	Tổ 8, khu 3, P. Trần Hưng Đạo, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
128	8	Hồ Minh Hiếu	08/01/2015	4A4	Tổ 12, khu 4, P. Trần Hưng Đạo, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
129	9	Đỗ Mạnh Hải	15/10/2013	5A4	Tổ 8, khu 3, P. Trần Hưng Đạo, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	14	150,000	2,100,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
130	10	Bùi Quang Minh	26/6/2014	5A7	Tổ 5, khu 5, P. Trần Hưng Đạo, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TIỂU HỌC BÃI CHÁY							-	
131	1	Trần Trung Dũng	05/12/2013	4A4	Khu 4, phường Bãi cháy, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
132	2	Nguyễn Đức Hoàng	30/07/2015	3A5	Khu 8 phường Bãi cháy, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
133	3	Nguyễn Minh Đức	23/05/2014	3A6	Tổ 7, khu 8, P. Bãi cháy, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
134	4	Nguyễn Đức Anh	16/10/2011	3A5	Khu 7, P. Nam Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
135	5	Phạm Hải Long	06/01/2014	2A9	Tổ 5, khu 10, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
136	6	Cao Hoàng Bảo Nam	04/09/2015	3A4	Tổ 5, khu 7, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
137	7	Lê Đức Trọng	31/08/2015	2A9	Tổ 2, khu 10, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
138	8	Nguyễn Lê Hải Nam	03/04/2015	3A1	Tổ 6, khu 6, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
139	9	Nguyễn Phú Trọng	23/10/2016	1A3	Tổ 5, khu 9A, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
140	10	Hà Minh Hằng	25/02/2016	1A8	Tổ 1, khu 9A, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
141	11	Lê Xuân Khánh Hưng	11/07/2017	1A7	Tổ 5, khu 5, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
142	12	Nguyễn Hải Đăng	30/8/2017	2A9	Tổ 5, khu 7, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
143	13	Sùng A Lâm	28/01/2017	1A10	Xã Chiềng Nọi - huyện Mai Sơn - tỉnh Sơn La	Học sinh phổ thông thuộc diện hộ nghèo	9	150,000	1,350,000	Khoản 3 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
144	14	Sùng A Phi	22/11/2018	1A11	Xã Chiềng Nọi - huyện Mai Sơn - tỉnh Sơn La	Học sinh phổ thông thuộc diện hộ nghèo	9	150,000	1,350,000	Khoản 3 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
145	15	Trần Quốc Trung	19/9/2016	1A4	Tổ 5, khu 7, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
146	16	Lê Quang Hải	02/01/2018	1A5	Tổ 5, khu 10, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
147	17	Nguyễn Lê Đức Phát	22/12/2016	2A3	Tổ1, khu 8, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
148	18	Nguyễn Lê Đức Trường	22/12/2016	2A3	Tổ 2, khu 10, phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
149	19	Nguyễn Minh Ngọc	04/01/2014	5A9	Tạm trú: tổ 7b, khu 9b, phường Bãi Cháy	Học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TIỂU HỌC HÀ KHẨU							-	
150	1	Đoàn Minh Tuấn	09/08/2018	1A2	Tổ 13, Khu 4B, phường Hùng Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
151	2	Đoàn Minh Tuấn	09/08/2018	1A2	Tổ 13, Khu 4B, phường Hùng Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
152	3	Nguyễn Ngọc Thảo	28/09/2016	3A2	Tổ 8, Khu 1, phường Hà Khẩu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
153	4	Nguyễn Hồng Minh	26/05/2016	3A3	Tổ 16, Khu 2, phường Hà Khẩu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
154	5	Nguyễn Tuấn Dũng	04/04/2015	3A6	Tổ 77, Khu 9, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
155	6	Bùi Thiên Minh	31/01/2015	4A1	Tổ 4, Khu 1, phường Hà Khẩu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
156	7	Trần Ngọc Mai	11/06/2014	4A2	Tổ 39, Khu 4, phường Hà Khẩu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
157	8	Vũ Đình Tiến	07/05/2015	4A4	Tổ 28, Khu 3, phường Hà Khẩu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
158	9	Ngô Trí Công	26/11/2014	4A5	Tổ 28, Khu 8, Vàng Danh, Uông Bí, Quảng Ninh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
159	10	Phạm Tiến Dũng	26/09/2015	4A7	Tổ 2, Khu 10, phường Bãi Cháy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
160	11	Nông Quốc Đại	30/03/2014	5A1	Thôn Tân Lập, Xã Tân Dân, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
161	12	Bùi Duy Anh	14/10/2013	5A2	Tổ 61, Khu 6, phường Hà Khẩu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
162	13	Mai Nam Khánh	05/10/2014	5A3	Tổ 14, Khu 2, phường Hà Khẩu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
163	14	Dương Quang Thịnh	27/09/2012	5A4	Tổ 79, Khu 7, phường Hà Khẩu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
164	15	Nguyễn Bảo Tuấn Dũng	01/04/2014	5A5	Tổ 57, Khu 6, phường Hà Khẩu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
165	16	Phạm Đức Hải	30/06/2012	5A6	Tổ 19, Khu 2, phường Hà Khẩu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
166	17	Lý Gia Bảo	27/05/2013	5A7	Tổ 50, Khu 5, phường Hà Khẩu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TIỂU HỌC LÝ THƯỜNG KIỆT							-	
167	1	Nguyễn Tuấn Ninh	27/12/2018	1A10	Xã Quốc Tuấn - An Dương - Hải Phòng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
168	2	Phạm Tiến Lộc	10/9/2016	2A1	Tổ 13 khu 3A P. Giếng Đáy - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
169	3	Nguyễn Đức Tài	02/4/2017	2A11	Tổ 8 khu 1 P. Giếng Đáy - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
170	4	Lưu Vũ Hải Ninh	14/01/2015	3A10	Tổ 6 khu 1 P. Giếng Đáy - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
171	5	Phạm Nhật Minh	17/8/2015	3A11	Tổ 1 - Khu 7 P. Giếng Đáy - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
172	6	Nguyễn Bảo Ngọc	23/8/2015	3A12	Thôn Đá Trắng - Thống Nhất - Hoành Bồ	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
173	7	Nguyễn Thiên Phúc	07/01/2015	4A2	Xóm 6, Xuân Đài, Xuân Trường, Nam Định	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
174	8	Lê Tuấn Thành	08/02/2013	4A2	Tổ 10 - Khu 4 - P. Giếng Đáy - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
175	9	Trần Thanh Tùng	21/08/2014	4A2	Tổ 9 - Khu 5 P. Giếng Đáy - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
176	10	Nguyễn Đức Trung	03/06/2013	4A5	Tổ 2 - Khu 6- P. Giếng Đáy - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
177	11	Lê Mỹ Tâm	28/04/2015	4A5	Tổ 10 khu 4 P. Giếng Đáy - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
178	12	Đặng Quang Dũng	17/10/2014	4A9	Tổ 10 - Khu 2 - P. Giếng Đáy - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
179	13	Vũ Hoàng Sơn	20/11/2015	4A12	Tổ 13 - Khu 2 - P. Giếng Đáy - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
180	14	Dương Văn Tùng	21/10/2010	5A4	Tổ 15 - Khu 3A - P. Giếng Đáy - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
181	15	Vũ Tiến Đạt	13/9/2012	5A6	Tổ 10 khu 4 P.Giếng Đáy - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
182	16	Vương Thừa Vũ	29/12/2014	5A10	Tổ 10 khu 6 - P.Giếng Đáy - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
183	17	Lê Minh Quang	06/10/2011	5A11	Tổ 8 khu 1 P. Giếng Đáy - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		Tiểu học Lê Hồng Phong							-	
184	1	Đỗ Gia Khánh	12/03/2015	2A6	Tổ 3 - Khu 1B - Hồng Hải - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
185	2	Hoàng Vũ Huyền Anh	05/05/2017	2A1	Tổ 3 - Khu 1B - Hồng Hải - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
186	3	Vũ Hoàng Bảo Ngân	12/04/2017	2A4	Tổ 6 - Khu 5 - Hồng Hải - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
187	4	Nghiêm Trọng Nhân	13/01/2016	3A1	Tổ 3 - Khu 1B - Hồng Hải - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
188	5	Nguyễn Công Tuấn	06/10/2016	3A5	Tổ 3 - Khu 1B - Hồng Hải - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
189	6	Nguyễn Ngọc Hân	16/06/2015	3A4	Tổ 4A - Khu 7A - Hồng Hải - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
190	7	Vũ Chấn Hưng	15/08/2015	4A4	Tổ 6 - Khu 1B - Hồng Hải - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
191	8	Nguyễn Minh Hiếu	07/10/2015	4A1	Tổ 7 - Khu 8 - Hồng Hải - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
192	9	Nguyễn Long Hoàng	29/08/2015	4A7	Tổ 5 - Khu 1B - Hồng Hải - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
193	10	Vũ Bùi Thuý Tiên	23/12/2014	5A1	Tổ 8 - Khu 3 - Hồng Hải - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
194	11	Vũ Minh Tiến	07/11/2014	5A1	Tổ 3 - Khu 1B - Hồng Hải - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
195	12	Hoàng Tuấn Vũ	27/04/2014	5A6	Tổ 3 - Khu 6B - Hồng Hải - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		Tiểu học Võ Thị Sáu							-	
196	1	Nguyễn Hoàng Gia Hân	25/12/2018	1A	Tổ 2 khu 6 P. Yết Kiêu Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
197	2	Nguyễn Phi Tuấn	23/05/2018	1C	Tổ 3 khu 1 P.Trần Hưng Đạo TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
198	3	Đàm Đặng Tuấn Anh	14/09/2017	2C	Tổ 1 khu 1 Yết Kiêu TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
199	4	Vũ Minh Phát	16/03/2017	2C	Tổ 4 khu 3 Yết Kiêu TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
200	5	Bùi Hà Vy	20/06/2017	2C	Tổ 1 khu 1 Yết Kiêu TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
201	6	Vũ Bảo Khánh	25/09/2016	3A	T13, K2A, P. Xanh TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
202	7	Dương Nam Anh	09/12/2016	3B	T1, K6, P. Yết Kiêu TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
203	8	Cao Phúc Khang	09/06/2016	3B	Tổ 2 khu 5 Yết Kiêu TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
204	9	Trần Bình Minh	02/08/2025	3C	T4, K1, Cao Xanh TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
205	10	Đào Ngân khánh	24/09/2014	4B	Tổ 1 khu 5 Yết Kiêu TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
206	11	Hoàng Hải Long	03/11/2014	4C	T48, K5, P.Cao Thắng TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
207	12	Dương Minh Đức	10/02/2014	4D	Tổ 1 khu 5 P.Yết Kiêu TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
208	13	Tạ Phương Hồng Nhật	09/11/2014	5A	Tổ 5 khu 3 P.Yết Kiêu TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
209	14	Vũ Sinh Thiện	04/12/2013	5B	Tổ 4 khu 3 P. Yết Kiêu TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
210	15	Vũ Công Hưng	28/02/2014	5B	Tổ 7 khu 4 P.Yết Kiêu TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
211	16	Nguyễn Việt Tiến	01/06/2008	5C	Tổ 6 khu 6 P. Yết Kiêu TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		Tiểu học Trần Quốc Toàn							-	
212	1	Nguyễn Hà An	03/11/2017	2A3	Tổ 8, Khu 8, P. Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
213	2	Cao Hoàng Hải Kiên	14/02/2015	3A2	Tổ 3, khu 5, P Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
214	3	Phạm Văn Hoàng	17/02/2015	3A3	Xã Quảng Minh, huyện Hải Hà, tỉnh QN	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
215	4	Nguyễn Khang Duy	06/02/2012	5A6	Tổ 3, Khu 3, P. Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
216	5	Đặng Tùng Lâm	07/08/2017	2A4	Tổ 2, Khu 5, P. Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
217	6	Nguyễn Việt Anh	18/09/2014	Lớp 5A1	Tổ 13, Khu 5, P. Hà Tu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
218	7	Chiu Văn Châu	03/01/2015	Lớp 3A2	Tổ 2 Khu 7 Phường Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông mô côi cả cha lẫn mẹ	9	150,000	1,350,000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
219	8	Phạm Đức Tâm	30/10/2018	1A2	Tổ 2 Khu 7 Phường Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông mô côi cả cha lẫn mẹ	9	150,000	1,350,000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TIỂU HỌC HẠ LONG							-	
220	1	Đoàn Gia Linh	18/10/2016	2A4	Tổ 41 - Khu 4 - Phường Hồng Gai, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
221	2	Vũ Đắc Quyền Linh	24/06/2014	3A1	Tổ 15 khu 1, Phường Hồng Gai, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
222	3	Nguyễn Trọng Hưng Vực	29/04/2016	3A3	Tổ 57 - Khu 4 - Phường Hồng Gai, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
223	4	Phạm Bùi Duy Anh	02/01/2016	3A4	Thôn Chân Đèo, xã Thống Nhất, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2024
224	5	Phạm Trần Hoàng Anh	06/09/2014	4A2	Tổ 6 khu 3, Phường Hồng Gai, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
225	6	Mai Hồng Phong	25/02/2015	4A6	Tổ 13-Khu3- Phường Hồng Gai, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2024
226	7	Nguyễn Bảo Anh	15/08/2013	5A4	Tổ 17 khu 2 , Phường Hồng Gai, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
227	8	Phạm Minh Tùng	30/01/2010	5A11	Tổ 18 khu 2, Phường Hồng Gai, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
228	9	Hoàng Vũ Bảo Hân	02/10/2014	5A12	Tạm trú tổ 1 khu 3, Phường Hồng Gai, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TIỂU HỌC NGUYỄN BÁ NGỌC							-	
229	1	Phùng Minh Dũng	31/10/2012	4A4	Tổ 1, khu 6, phường Hồng Hà, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
230	2	Nguyễn Đăng Ngọc Anh	30/5/2017	1A4	Tổ 1, khu 7, phường Hà Tu, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
231	3	Đỗ Văn Phong	27/11/2013	3A2	Tổ 3, khu 7, phường Hà Tu, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
232	4	Trần Văn Đức	25/01/2014	2A5	Tổ 5, khu 1, phường Hà Trung, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
233	5	Đỗ Minh Nhật	25/06/2016	1A2	Tổ 3, khu 7, phường Hà Tu, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
234	6	Phùng Thị Xuân	04/02/2017	1A2	Thôn Lang Cang, xã Đồn Đạc, huyện Ba Chẽ, Quảng Ninh	Học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ	9	150,000	1,350,000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
235	7	Chiu Thị Thủy	12/01/2013	4A1	Thôn Kéo Chấn, xã Đồng Tâm, huyện Bình Liêu, Quảng Ninh	Học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ	9	150,000	1,350,000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
236	8	Lý Văn Thiểu	14/9/2012	5A5	Thôn Đồng Mùng, xã Tân Dân, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
237	9	Nguyễn Văn Dũng	24/11/2013	4A3	Xã Thống Nhất, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản g Điều 2 NQ 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021
238	10	Nguyễn Duy Xuân	16/5/2014	4A5	Xã Thống Nhất, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản b Điều 2 NQ 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021
239	11	Nguyễn Minh Tú	01/02/2016	1A3	Tổ 14, khu 9 , phường Hồng Hà., TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
240	12	Đặng Mạnh Phan	06/03/2017	1A1	Làng mới, Nam Sơn, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		Tiểu học Minh Hà							-	
241	1	Bùi Duy Anh Tuấn	04/05/2015	2A	Tổ 7 - Khu 5 - phường Hà Tu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
242	2	Hoàng Mạnh Chung	11/05/2017	2C	Tổ 54A - Khu 6B - phường Hà Phong, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
243	3	Nguyễn Huy Hoàng	30/07/2015	3B	Tổ 6 - Khu 3 - phường Hà Tu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
244	4	Trương Tuấn Dũng	19/08/2015	3C	Tổ 2 - Khu 3 - phường Hà Tu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
245	5	Nguyễn Anh Dũng	28/09/2015	3E	Tổ 3 - Khu 2 - phường Hà Tu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
246	6	Trần Nam Phong	08/12/2014	4A	Tổ 5 - Khu 5 - phường Hà Tu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
247	7	Lê Gia Vinh	24/11/2015	4E	Tổ 4 - Khu 2 - phường Hà Tu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
248	8	Đỗ Minh Nhật	04/09/2013	5A	Tổ 1 - Khu 4 - phường Hà Tu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
249	9	Nguyễn Bảo Diệp	26/06/2014	5C	Khu 5 -phường Hà Tu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		Tiểu học Quang Trung							-	
250	1	Lê Phúc Khang	19/05/2018	1A4	Tổ 2, Khu 10, Phường Hồng Hải, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
251	2	Hà Hải Hoàng	17/11/2018	1A5	Tổ 1B, Khu 9, Phường Hồng Hải, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	8	150,000	1,200,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
252	3	Đoàn Khánh Linh	20/5/2018	1A5	Tổ 6, Khu 7B, Phường Hồng Hải, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	8	150,000	1,200,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
253	4	Hà Ngọc Nhi	2017	1A6	Tổ 1B, Khu 9, Phường Hồng Hải, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	8	150,000	1,200,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2024
254	5	Trần Hương Trà	05/08/2018	1A7	Tổ 1C - Khu 8 - Phường Hồng Hải, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
255	6	Bùi Đình Thái	11/05/2014	2A4	Tổ 4, Khu 5A, Phường Cẩm Trung, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
256	7	Tô Hồng Quân	18/01/2017	2A4	Tổ 1, Khu 7A, Phường Hồng Hải, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
257	8	Vũ Hoàng Minh	20/11/2015	3A4	Tổ 2, Khu 10, Phường Hồng Hải, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
258	9	Nguyễn Bảo Ngọc	28/10/2015	4A4	Tổ 1- Khu 2 - Phường Hồng Hải, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
259	10	Hà Ngọc Quỳnh	20/11/2014	5A4	Tổ 1B - Khu 9 - Phường Hồng Hải, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
260	11	Nguyễn Minh Khang	23/12/2013	5A6	Tổ 1B, khu 1, Phường Hồng Hải, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
261	12	Hoàng Xuân Phúc	21/03/2014	5A7	Tổ 2, Khu 8, Phường Hồng Hải, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TRƯỜNG THCS BÃI CHÁY							-	
262	1	Nguyễn Thành Đạt	28/11/2011	6A4	Tổ 1 - Khu 8- phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
263	2	Vũ Trung Nam	04/01/2013	6A6	Tổ 5 - Khu 10- phường Bãi Cháy, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
264	3	Hoàng Khánh Hà	16/10/2013	6A10	Tổ 4 - Khu 3B- phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
265	4	Vũ Thanh Hiền	28/08/2013	6A8	Tổ 4, khu 5B, phường Bãi Cháy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ	9	150,000	1,350,000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
266	5	Vũ Tiến Đức	06/07/2012	7A6	Tổ 8, khu 7, phường Bãi Cháy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
267	6	Hoàng Việt Cường	04/12/2011	8A6	Tổ 7, khu 10, phường Bãi Cháy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
268	7	Lại Khánh Huy	24/11/2011	8A7	Tổ 5, khu 7, phường Bãi Cháy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
269	8	Phạm Quang Minh	30/03/2010	8A5	Tổ 3, khu 7, phường Bãi Cháy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
270	9	Đào Minh Trí	11/12/2011	8A8	Tổ 6, khu 9B, phường Bãi Cháy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
271	10	Bùi Minh Ngọc	16/11/2009	9A4	Tổ 7 - Khu 8 - phường Bãi Cháy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
272	11	Nguyễn Đức Duy	05/08/2010	9A5	Tổ 2, khu 9A, phường Bãi Cháy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
273	12	Đặng Tuấn Đạt	19/03/2010	9A9	Tổ 6, khu 10, phường Bãi Cháy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TRƯỜNG THCS LÊ VĂN TÁM							-	
274	1	Phạm Tuấn Phong	19/08/2013	6a4	Tổ 1C, khu 1, phường Cao Xanh, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
275	2	Nguyễn Hoàng Anh	25/06/2010	6A11	Tổ 18 - Khu 2- phường Hồng Gai, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
276	3	Lương Tùng Lâm	29/8/2013	6a8	Tổ 5, khu 2 - phường Hồng Gai, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
277	4	Hà Quang Thiện	05/10/2011	8A8	Tổ 6 - Khu 1- phường Bạch Đằng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
278	5	Đỗ Thị Quỳnh Hương	26/08/2010	9A9	Tổ 8 - Khu 1- phường Hồng Gai, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
279	6	Trần Uyên Chi	19/04/2009	8A5	T1 khu 1- phường Hồng Gai, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
280	7	Nguyễn Trọng Thành Hải	16/01/2011	8A6	Tổ 2 - Khu 5 - phường Trần Hưng Đạo, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
281	8	Lê Thanh Trúc	20/11/2012	7A8	Tổ 13 khu 2 phường Hồng Gai, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
282	9	Đỗ Huyền My	10/8/2011	7A14	Tổ 45, khu 3, phường Bạch Đằng, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
283	10	Đặng Hải Duy	18/05/2012	7A13	Tổ 13, khu 2, phường Hồng Gai, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
284	11	Nguyễn Kim Khánh	28/07/2012	7A13	Tổ 4, khu 3, phường Hồng Gai, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
285	12	Nguyễn Nam Phong	07/09/2012	7A5	Tổ 1, khu 1, phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
286	13	Hoàng Đức Anh	08/11/2012	7A9	Tổ 15, khu 2, phường Hồng Gai, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
287	14	Trần Thế Hưng	11/01/2010	7A12	Tổ 7, khu 1, phường Trần Hưng Đạo, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
288	15	Đỗ Phạm Minh Kiên	23/12/2011	8A7	Tổ 34, khu 4, phường Hồng Gai, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
289	16	Hoàng Tiến Dũng	25/08/2012	7A11	Tổ 15A, khu 1, phường Bạch Đằng, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
290	17	Vũ Mạnh Quyền	01/12/2012	7A10	Tổ 6, khu 1, phường Bạch Đằng, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
291	18	Lê Phúc Gia Bảo	27/06/2012	7A6	Tổ 52, khu 4, phường Bạch Đằng, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
292	19	Phạm Ngọc Khánh Hưng	06/10/2012	7A11	Tổ 16, khu 1, phường Bạch Đằng, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TRƯỜNG THCS CAO XANH							-	
293	1	Hoàng Ngọc Mạnh	07/10/2013	6A1	Tổ 37, Khu 3, Phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
294	2	Tô Quang Hiếu	21/01/2012	6A1	Tổ 50B, Khu 4B, Phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
295	3	Nguyễn Thiên Ân	13/11/2013	6A2	Tổ 18, Khu 2A, Phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
296	4	Lương Tiến Mạnh	23/07/2012	6A2	Tổ 50B, Khu 4A, Phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
297	5	Phạm Duy Hưng	25/06/2013	6A3	Tổ 42, Khu 4A, Phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
298	6	Phạm Đức Duy	13/11/2014	6A3	Tổ 9, Khu 7, Phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
299	7	Chu Hải Anh	12/09/2013	6A4	Tổ 7, Khu 7, Phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
300	8	Nguyễn Phương Duy	30/06/2010	9A1	Tổ 5, Khu 7, Phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
301	9	Đỗ Lê Duy Nam	23/11/2010	9A2	Khu 7, Phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
302	10	Nguyễn Phương Thủy	04/12/2010	9A3	Khu 5, Phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
303	11	Nguyễn Phương Thanh	04/01/2009	9A3	Khu 5, Phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
304	12	Lê Xuân Dũng	21/11/2010	9A4	Khu 2B, Phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
305	13	Đỗ Xuân Long	03/04/2011	8A3	Khu 7, Phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
306	14	Trần Gia Hưng	14/08/2009	8A3	Tổ 1, Khu 1, Phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
307	15	Hoàng Ngọc Hòa	11/07/2011	8A4	Tổ 65, Khu 5, Phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
308	16	Phạm Mỹ Hằng	12/01/2009	8A5	Tổ 45A, Khu 4A, Phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
309	17	Hoàng Văn Thanh	15/10/2012	7A2	Tổ 35, Khu 3, Phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
310	18	Nguyễn Tuấn Vũ	13/09/2012	7A3	Tổ 52, khu 4, Phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
311	19	Bùi Minh Khang	12/10/2012	7A3	Tổ 61, khu 5 phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
312	20	Phạm Hồng Sơn	20/08/2012	7A4	Tổ 12, khu 7, Phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
313	21	Nguyễn Bảo Lâm	27/05/2012	7A4	Tổ 50, khu 4A, Phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
314	22	Nguyễn Đức Đạt	03/09/2012	7A5	Tổ 10, khu 7, Phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
315	23	Nguyễn Đức Thành	03/09/2012	7A5	Tổ 10, khu 7, Phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TRƯỜNG THCS HÀ TU							-	
316	1	Hoàng Hải Đăng	09/11/2013	6B	Tổ 1 khu 1, phường Hà Tu, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
317	2	Nguyễn Yến Ngọc	16/03/2013	6C	Tổ 9 khu 4, phường Hà Tu, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
318	3	Nguyễn Tài Quân	23/09/2012	7D	Tổ 2 khu 7, phường Hà Tu, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
319	4	Nguyễn Tú Minh	20/11/2011	7E	Tổ 2 khu 7, phường Hà Tu, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
320	5	Phạm Hà Linh	30/03/2011	8A	Tổ 54C khu 6B, phường Hà Phong, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
321	6	Nguyễn Thùy Dương	24/08/2011	8C	Tổ 8 khu 5, phường Hà Tu, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
322	7	Tạ Quang Phúc	23/09/2009	8D	Tổ 2 khu 5, phường Hà Tu, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
323	8	Đỗ Hải Nam	19/06/2011	8E	Tổ 7 khu 3, phường Hà Tu, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
324	9	Vương Đức Minh	06/01/2010	9B	Tổ 46 khu 5, phường Hà Phong, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
325	10	Phạm Huyền Trang	09/09/2009	9C	Tổ 3 khu 7, phường Hà Tu, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
326	11	Đặng Linh Chi	22/10/2010	9D	Tổ 7 khu 2, phường Hà Tu, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TRƯỜNG THCS VIỆT HƯNG							-	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
327	1	Nguyễn Thị Thu Hương	21/03/2011	7A2	Tổ 2, khu 6, phường Việt Hưng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
328	2	Dương Quang Minh	04/8/2012	7A3	Tổ 5, khu 5, phường Việt Hưng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
329	3	Vũ Minh Đăng	20/09/2012	7A4	Tổ 6, khu 4, phường Việt Hưng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
330	4	Hoàng Anh Gia Bảo	07/11/2011	8A2	Tổ 3, khu 7, phường Việt Hưng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
331	5	Vũ Thu Hiền	23/08/2011	8A3	Tổ 3, khu 7, phường Việt Hưng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
332	6	Nguyễn Thành Nhân	18/01/2011	8A3	Tổ 2, khu 6, phường Việt Hưng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
333	7	Trần Mai Nhung	28/11/2009	8A3	Tổ 1, khu 3, phường Việt Hưng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
334	8	Nguyễn Minh Thảo	31/5/2011	8A4	Tổ 1, khu 5, phường Việt Hưng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
335	9	Lê Vũ Yến Nhi	10/11/2010	9A2	Tổ 3, khu 6, phường Việt Hưng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
336	10	Bùi Đức Trung	30/3/2010	9A2	Tổ 1, khu 1, phường Hà Khẩu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
		TRƯỜNG THCS TRÓI							-	
337	1	Bùi Quốc Tuấn Anh	19/01/2010	9A1	Khu Trới 1, phường Hoàn Bò, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
338	2	Phạm Tuấn Long	08/12/2010	9A5	Khu Trới 2, phường Hoàn Bò, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ	9	150,000	1,350,000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
339	3	Hà Anh Tuấn	12/11/2011	8A5	Khu Trới 3, phường Hoàn Bò, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
340	4	Đình Nhật Minh	02/05/2012	7A2	Khu Trới 3, phường Hoàn Bò, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
341	5	Hoàng Bảo Linh	25/10/2012	7A3	Tổ 7, khu Trới 1, phường Hoàn Bò, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
342	6	Nguyễn Trung Hải	12/06/2012	7A4	Tổ 4, khu Trới 6, phường Hoàn Bò, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
343	7	Ngô Mạnh Vượng	28/12/2012	7A5	Tổ 2, khu Trới 5, phường Hoàn Bò, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
344	8	Vũ Ngọc Tuấn	07/05/2011	7A5	Tổ 5, khu Trới 8, phường Hoàn Bò, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
345	9	Nguyễn Chí Bền	14/12/2012	7A6	Tổ 1, khu Trới 1, phường Hoàn Bò, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
346	10	Nguyễn Ngọc Trường	10/11/2012	7A6	Tổ 3, khu Trới 9, phường Hoàn Bò, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
347	11	Nguyễn Đình Hoàng	17/01/2012	7A7	Tổ 2, khu Trới 2, phường Hoàn Bò, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
348	12	Kiều Hải Phong	30/07/2012	7A7	Khu Trới 1, phường Hoàn Bò, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
349	13	Vũ Nghĩa Triết	08/01/2013	6A2	Tổ 2, khu Trới 1, phường Hoàn Bò, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
350	14	Phạm Bình An	24/09/2013	6A3	Tổ 4, khu Trới 4, phường Hoàn Bò, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
351	15	Phùng Minh Đức	11/05/2013	6A3	Tổ 5, khu Trới 2, phường Hoàn Bò, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
352	16	Nguyễn Thuý Hằng	30/08/2013	6A4	Tổ 4, khu Trới 1, phường Hoàn Bò, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
353	17	Nguyễn Thuý Nga	30/08/2013	6A4	Tổ 4, khu Trới 1, phường Hoàn Bò, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
354	18	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	03/11/2013	6A5	Tổ 3, khu Trới 6, phường Hoành Bồ, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
355	19	Lê Thế Đạt	20/07/2023	6A5	Tổ 1, khu Trới 5, phường Hoành Bồ, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
356	20	Nguyễn Thị Bích Như	08/11/2013	6A6	Khu Trới 9, phường Hoành Bồ, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
357	21	Phạm Thị Huyền Trâm	02/01/2013	6A6	Tổ 3, khu Trới 5, phường Hoành Bồ, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TRƯỜNG THCS ĐẠI YÊN							-	
358	1	Đỗ Việt Tiến	05/12/2011	7A4	Tổ 2- Khu Yên Cư - Phường Đại Yên TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
359	2	Phạm Ngọc Ánh	24/04/2012	7A5	Tổ 3- Khu Yên Cư - Phường Đại Yên TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
360	3	Nguyễn Thị Huyền	07/01/2009	9A1	Tổ 1- Khu Cầu Trắng - Phường Đại Yên TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
361	4	Lê Thế Anh	28/09//2008	9A1	Tổ 3 Khu Mầm Nai - Phường Đại Yên TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
362	5	Vũ Thuý Linh	13/01/2012	6A3	Tổ 3 Khu Mầm Nai - Phường Đại Yên TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
363	6	Vũ Thị Minh Thu	22/10/2010	6A3	Tổ 3 Khu Mầm Nai - Phường Đại Yên TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
364	7	Nguyễn Lê Nhật Minh	11/11/2012	6A4	Tổ 2- Khu Yên Cư - Phường Đại Yên TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
365	8	Đào Hải Nam	02/07/2013	6A1	Tổ 8 Khu 5B Phường Cẩm Trung- TP Cẩm Phả, Quảng Ninh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
366	9	Vũ Minh Thư	23/11/2011	6A4	Tổ 3 Khu Mầm Nai - Phường Đại Yên TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TRƯỜNG THCS HỒNG HẢI							-	
367	1	Phạm Bảo An An	28/07/2012	7A1	Tổ 3, khu 7B, phường Hồng Hải, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
368	2	Vũ Đức Nam	31/01/2012	7A1	Tổ 2, khu 7A, phường Hồng Hải, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
369	3	Nguyễn Phương Anh	21/04/2011	7A2	Tổ 7, khu 4, phường Yết Kiêu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
370	4	Phạm Anh Thu	30/04/2012	7A3	Tổ 7, khu 3, phường Hồng Hải, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
371	5	Bùi Nguyễn Hà Phương	28/11/2011	7A4	Tổ 4a, khu 7A, phường Hồng Hải, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
372	6	Phạm Thị Trà My	29/06/2012	7A4	Tổ 6, khu 8 phường Hồng Hải, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
373	7	Đỗ Đức Thịnh	10/12/2011	7A5	Tổ 52, khu 4B, phường Cao xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
374	8	Lê Hà Thu	01/11/2012	7A6	Tổ 1C, khu 8, phường Hồng Hải, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
375	9	Nguyễn Vũ Kim	16/08/2009	8B	Tổ 2, khu 9, phường Hồng Hải, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
376	10	Hoàng Tiến Đạt	30/07/2011	8H	Tổ 2, khu 5, phường Hồng Hải, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
377	11	Nguyễn Hữu Chung	1'4/09/2010	9A	Tổ 6, khu 5, phường Hồng Hải, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
378	12	Nguyễn Duy Hưng	16/09/2009	9B	Tổ 1B, khu 9, phường Hồng Hải, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
379	13	Nguyễn Phạm Quỳnh Anh	17/04/2010	9C	Tổ 2, khu 4D, phường Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
380	14	Phạm Tiến Dũng	06/04/2010	9C	Tổ 2, khu 4D, phường Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
381	15	Đinh Phúc Thành	26/8/2008	9D	Tổ 7, khu 5, phường Hồng Hải, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
382	16	Nguyễn Hà Nguyệt Linh	01/08/2012	6A5	Tổ 1, khu 4C, phường Hồng Hà, Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
383	17	Đinh Nhật Đại	2'8/06/2012	6A1	Tổ 74A khu 5, phường Hồng Hải, Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
384	18	Nguyễn Quốc Bảo	10/08/2013	6A4	Tổ 2, khu 7A phường Hồng Hải, Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
385	19	Nguyễn Hoàng Khánh Lâm	01/11/2013	6A2	Tổ 17, khu 2A, phường Cao Xanh, Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
386	20	Phạm Vũ Hải Ninh	21/11/2012	6A3	Tổ 3, khu 7, phường Hồng Hải, Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
387	21	Nguyễn Đức Bình	13/10/2013	6A6	Tổ 1, khu 6, phường Hồng Hải, Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
		TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRÃI							-	
388	1	Tạ Minh Đức	09/09/2011	6A2	Tổ 71 khu 7 Hà Khẩu - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
389	2	Phạm Thuỳ Linh	09/08/2008	6A1	Tổ 35 khu 4 Hà Khẩu - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
390	3	Đình Nhật Thành	07/02/2011	8A5	Tổ 13 khu 2 Hà Khẩu - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	13	150,000	1,950,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2024
391	4	Đình Thị Ngọc Hạnh	06/10/2011	6A4	Tổ 24 khu 3 Hà Khẩu - TP Hạ Long -QN	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2025
392	5	Nhữ Thuỳ Dương	06/07/2012	6A4	Tổ 10 khu 1 Hà Khẩu - TP Hạ Long -QN	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2026
393	6	Nguyễn Tùng Bách	16/08/2012	6A3	Tổ 19 khu 2 Hà Khẩu - TP Hạ Long -QN	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2027
394	7	Nguyễn Thảo Vân	16/03/2013	6A2	Tổ 16 khu 2 Hà Khẩu - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2027
395	8	Hà Duy Phúc	25/10/2011	7A1	Khu 8- Hà Khẩu - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
396	9	Tạ Thị Huyền Trang	30/6/2011	6A6	Tổ 51 khu 5 phường Hà Khẩu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
397	10	Vũ Đình Khánh	6/11/2011	6A2	Tổ 13 khu 2 phường Hà Khẩu - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
398	11	Lê Thúy Lâm	01/11/2010	7A4	Tổ 58 khu 6 Hà Khẩu - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
399	12	Nguyễn Đức Trung	9/3/2009	7A4	Tổ 63 khu 6 Hà khẩu - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
400	13	Phạm Duy Anh	26/8/2012	6A3	Tổ 52 khu 5 Hà Khẩu - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
401	14	Trần Thùy Linh	30/4/2012	6A1	Thị Xã Quảng Yên, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
402	15	Bùi Ngọc Quang	23/11/2012	6A7	Khu 7- Hà Khẩu - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN THUỘC							-	
403	1	Bùi Anh Nghĩa	15/04/2011	6A1	Tổ 7, khu 4, phường Hà Lâm, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
404	2	Ngô Thế Hiền	23/01/2012	6A3	Tổ 4 khu 1 phường Hà Khánh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
405	3	Vũ Hữu Hoàng Linh	12/02/2011	6A4	Tổ 3 khu 3 phường Yết Kiêu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
406	4	Hoàng Anh Tuấn	04/12/2011	6A5	Tổ 8 khu 3 phường Hà Lâm, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
407	5	Nguyễn Huy Khánh	09/10/2012	6A6	Tổ 8 khu 1 phường Hà Khánh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
408	6	Vũ Thuý Tiên	12/04/2011	7A2	Tổ 7 khu 1B phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
409	7	Trần Nam Sơn	07/11/2011	7A5	Tổ 9 khu 2 phường Hà Khánh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
410	8	Đỗ Hà Gia Khánh	11/09/2011	7A6	Tổ 12 khu 4 phường Hà Lâm, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
411	9	Vũ Mạnh Hiếu	27/02/2011	8A4	Tổ 14 khu 4 phường Hà Lâm, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
412	10	Trần Hoàng Nam	31/12/2010	9A2	Tổ 5 khu 4 phường Hà Lâm, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
413	11	Phạm Hà Vy	06/08/2009	9A2	Tổ 3 khu 6 phường Yết Kiêu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
414	12	Đoàn Huyền My	24/04/2010	9A2	Tổ 3 khu 3 phường Hà Lâm, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
415	13	Tổng Trung Hiếu	24/05/2010	9A3	Tổ 2 khu 5 phường Hà Lâm, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
416	14	Mai Anh Đức	24/11/2010	9A4	Tổ 2 khu 1 phường Hà Lâm, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TRƯỜNG THCS KIM ĐỒNG							-	
417	1	Phạm Gia Huy	30/10/2013	6A1	Tổ 13 khu 2A , phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
418	2	Trần Hạo Nam	22/01/2013	6A7	Tổ 6 khu 2 , phường Trần Hưng Đạo, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
419	3	Đoàn Ngọc Hà	25/9/2011	6A4	Tổ 10 khu 3, phường Bãi Cháy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
420	4	Nguyễn Hoàng Hiệp	31/10/2012	6A3	Tổ 12 khu 3, phường Trần Hưng Đạo, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
421	5	Phạm Duy Thăng	29/7/2012	6A3	Tổ 1 khu 3, phường Trần Hưng Đạo, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
422	6	Nguyễn Phúc Nguyên	10/7/2012	6a6	Tổ 2 khu 5, phường Yết Kiêu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
423	7	Trần Tuấn Minh	26/9/2012	7A2	Tổ 6 khu 2, phường Trần Hưng Đạo, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
424	8	Đỗ Duy Hưng	02/08/2012	7A2	Tổ 6 khu 4, phường Trần Hưng Đạo, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
425	9	Nguyễn Duy Long	05/6/2008	7A3	Tổ 8 khu 5, phường Yết Kiêu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
426	10	Nguyễn Lương Anh Hưng	28/4/2010	7A7	Tổ 1 khu 4, phường Yết Kiêu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
427	11	Nguyễn Tuấn Khang	07/12/2012	7A4	Tổ 2 khu 5, phường Yết Kiêu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
428	12	Nguyễn Xuân Đức	27/3/2012	7A4	Tổ 7 khu 4, phường Yết Kiêu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
429	13	Lê Quang Minh	27/10/2011	7A6	Tổ 7 khu 4, phường Yết Kiêu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
430	14	Đinh Minh Quân	24/12/2012	7A6	Tổ 46 khu 4A, phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
431	15	Nguyễn Đức Anh	25/7/2012	7A8	Tổ 6 khu 3, phường Trần Hưng Đạo, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
432	16	Nguyễn Thùy Trang	19/12/2011	7A8	Tổ 3 khu 4, phường Yết Kiêu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
433	17	Nguyễn Thị Thảo Nguyễn	31/3/2011	8A2	Tổ 47 khu 3, phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
434	18	Nguyễn Tuấn Việt	14/08/2011	8A4	Khu 4, phường Trần Hưng Đạo, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
435	19	Vũ Trâm Anh	23/8/2010	9A3	Tổ 5 khu 4, phường Yết Kiêu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
436	20	Bùi Huy Duy	23/9/2010	9A3	Tổ 3 khu 2, phường Yết Kiêu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
437	21	Bùi Duy Hùng	17/09/2009	9A4	Khu 3, phường Trần Hưng Đạo, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
438	22	Đinh Tuấn Khôi	16/09/2010	9A5	Tổ 4 khu 3, phường Trần Hưng Đạo, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
		TRƯỜNG THCS CAO THẮNG							-	
439	1	Bùi Văn Trang	10/05/2011	8A1	Tổ 62, khu 7, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
440	2	Lý Trần Nhân	20/11/2012	6A2	Tổ 73, Khu 8, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
441	3	Nguyễn Khánh Ngọc	10/12/2013	6A3	Tổ 3, Khu 6, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
442	4	Đỗ Khánh Uyên	24/11/2013	6A4	Tổ 55, Khu 6, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
443	5	Trần Gia Bảo	02/10/2013	6A5	Tổ 43, khu 4, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
444	6	Nguyễn Thị Thảo An	26/02/2011	6A6	Phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
445	7	Vũ Tuấn Bảo	16/9/2013	6A6	Tổ 45, khu 5, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
446	8	Trần Mạnh Phúc Đức	17/11/2012	6A7	Tổ 38, khu 4, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
447	9	Phạm Bảo An	14/03/2012	7A4	Tổ 66, khu 8, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
448	10	Lương Tuấn Minh	19/12/2012	7A7	Tổ 66, khu 8, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
449	11	Phạm Trung Hiếu	25/04/2011	8A3	Tổ 61, khu 7, Phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
450	12	Phạm Minh Đức	19/08/2011	8A4	Tổ 68, khu 8A, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
451	13	Nguyễn Bá Gia Bảo	29/08/2011	8A5	Tổ 77- khu 9-phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
452	14	Đoàn Minh Quân	19/04/2011	8A6	Tổ 20 - Khu 2B - phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
453	15	Phạm Trí Dũng	07/12/2009	9A1	Tổ 63, khu 7, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
454	16	Đặng Khánh Ngọc	08/12/2010	9A3	Tổ 15, khu 2A, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
455	17	Tạ Khánh Linh	19/08/2010	9A4	Tổ 53 - Khu 6 -phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
456	18	Minh Đức Tài	15/06/2010	9A5	Tổ 72, Khu 8, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
457	19	Nguyễn Mạnh Hùng	25/09/2009	9A5	Tổ 42, Khu 4, phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
458	20	Phạm Thị Thanh Nhân	19/02/2013	6A6	Phường Cao Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo	9	150,000	1,350,000	Khoản 3 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TRƯỜNG THCS TRẦN QUỐC TOẢN							-	
459	1	Trần Minh Nghĩa	22/05/2012	6A7	Tổ 4, Khu 9, phường Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
460	2	Tăng Phúc Sênh	26/03/2012	6A8	Tổ 7, khu 5, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long	Học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ	9	150,000	1,350,000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
461	3	Trần Bảo Lâm	19/09/2013	6A8	Tổ 4, khu 4, phường Hà Tu, thành phố Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
462	4	Phùng Minh Hùng	31/10/2012	6A9	Tổ 6, Khu 6, phường Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
463	5	Nông Minh Thời	19/10/2013	6A9	Tổ 7 Khu 5, phường Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ	9	150,000	1,350,000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
464	6	Nguyễn Khánh Hoàng	13/09/2012	6A10	Tổ 6 - Khu 6 - phường Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
465	7	Nguyễn Duy Bảo	31/05/2012	6A11	Tổ 11 Khu 4 phường Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
466	8	Nguyễn Ngọc Nhật Nam	20/05/2013	6A11	Tổ 3 khu 8 phường Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
467	9	Phạm Dương Anh	31/10/2013	6A12	Tổ 8 Khu 6 phường Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
468	10	Nguyễn Văn Thành Đạt	15/7/2010	7A1	Tổ 8 khu 2 phường Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
469	11	Hoàng Châu Giang	9/05/2010	8A2	Tổ 1 khu 6 phường Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
470	12	Lã Trung Kiên	25/5/2011	7A2	Tổ 7 khu 6 phường Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
471	13	Vũ Tùng Chi	20/06/2011	7A3	tổ 3 Khu 9 phường Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
472	14	Phạm Đức Nguyên	29/2/2012	7A3	Tổ 10 khu 9, phường Hà Tu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
473	15	Bản Đình Lập	03/03/2012	7A2	Tổ 7, khu 5, phường Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ	9	150,000	1,350,000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
474	16	Nguyễn Diệu Linh	17/8/2011	7A7	Tổ 8 Khu 2 phường Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
475	17	Vũ Hải Thành	05/04/2010	7A8	Tổ 6 khu 6 phường Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
476	18	Trần Phú Tuyền	12/12/2012	7A8	Tổ 7, khu 5, phường Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ	9	150,000	1,350,000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
477	19	Lương Đức Tuấn	12/4/2012	7A9	Tổ 5 Khu 7 phường Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
478	20	Trần Quang Cường	07/11/2012	7A11	Tổ 9 khu 6 phường Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
479	21	Nguyễn Thị Kim Ngân	15/10/2008	8A4	Tổ 11 khu 1 phường Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
480	22	Lương Anh Tú	26/6/2009	8A4	Tổ 7, khu 5, phường Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2024
481	23	Chiu Thị Viên	29/01/2010	8A11	Tổ 7, khu 5, phường Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ	9	150,000	1,350,000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2025
482	24	Trần Phúc Nguyên	05/06/2008	8A11	Tổ 10 khu 9 phường Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2026
483	25	Đỗ Mai Hoàng Dương	18/6/2010	9A4	Tổ 6 Khu 2 phường Hòn Gai, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2027
484	26	Lưu Diệu Minh	23/10/2010	9A5	Tổ 7 Khu 8 phường Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
485	27	Đào Quang Nghị	12/10/2009	9A8	Tổ 11 Khu 5 phường Hà Tu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
486	28	Đào Công Đạt	10/05/2009	9A9	Tổ 6 Khu 6 phường Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
487	29	Trần Thu Ngọc	25/01/2010	9A1	Tổ 7, khu 5, phường Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ	9	150,000	1,350,000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG							-	
488	1	Đặng Huy Hoàng	15/11/2009	6A5	Tổ 6, Khu 6, Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
489	2	Bùi Minh Nam Phong	21/01/2013	6A6	Tổ 3, khu 6 Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
490	3	Bùi Nhật Minh	19/12/2013	6A7	Tổ 5, Khu 1, Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
491	4	Nguyễn Han Na	24/09/2012	6A8	Tổ 11, Khu 3A, Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2024
492	5	Vũ Quỳnh Hoa	17/09/2012	6A8	Tổ 6, khu 4, Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2025
493	6	Phạm Hải Nam	03/06/2012	6A9	Tổ 1, khu 1, Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2026
494	7	Trần Việt Anh	22/12/2012	6A10	Tổ 7, Khu 7, Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2027
495	8	Nguyễn Hữu Đông	23/10/2011	7A4	Tổ 9, Khu 2, Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2028
496	9	Dương Quý Long	22/08/2012	7A5	Tổ 6, khu 4 Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2029
497	10	Vương Thị Vân Thu	29/05/2012	7A6	Tổ 10, Khu 6, Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2030
498	11	Thái Trần Minh	14/09/2012	7A7	Tổ 2, Khu 4, Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2031
499	12	Dương Hoàng Anh	14/12/2012	7A8	Tổ 8, khu 5, Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2032
500	13	Dương Phạm Tường Vy	05/06/2012	7A9	Tổ 13, Khu 1, Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2033
501	14	Nguyễn Mạnh Nguyên	29/12/2012	7A9	Tổ 3, khu 7, phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2034
502	15	Mạc Trường Giang	25/08/2012	7A10	Tổ 3, Khu 1, Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2035
503	16	Dương Tùng Lâm	10/07/2012	7A11	Tổ 8, Khu 5B, Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2036
504	17	Lê Minh Nhật	24/12/2012	7A11	Tổ 9, Khu 3A, Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2037
505	18	Bùi Nguyễn Việt Anh	30/09/2010	8A4	Tổ 13, khu 2, Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2038
506	19	Phạm Quang Hợp	25/08/2011	8A5	Tổ 7, Khu 7, Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2039
507	20	Nguyễn Thu Thảo	27/09/2011	8A5	Tổ 4, khu 7, Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2040

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
508	21	Nguyễn Đức Anh	13/09/2011	8A5	Số nhà 11, T0 10, Khu 5A, Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2041
509	22	Nguyễn Minh Châu	25/09/2011	8A6	T10, K4, Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2042
510	23	Vũ Hân Dy	30/08/2011	8A7	Tổ 2, khu 1, Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2043
511	24	Nguyễn Nhật Minh	23/03/2011	8A7	Tổ 8, khu 3B, Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2044
512	25	Đỗ Hải Đăng	08/09/2011	8A8	Tổ 15, Khu 4B, Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2045
513	26	Phạm Đan Nhi	12/11/2021	8A8	Tổ 10, khu 4, Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ	9	150,000	1,350,000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2046
514	27	Nguyễn Hoài Phương	29/11/2010	8A9	Tổ 5, Khu 1, Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2047
515	28	Lưu Gia Bảo	05/01/2009	9A2	Tổ 6, Khu 1, Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2048
		TRƯỜNG THCS SƠN DƯƠNG							-	
516	1	Tây Văn Trọng	23/12/2011	7A	Thôn Mỏ Đông, Xã Sơn Dương, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
517	2	Tây Xuân Lộc	10/12/2012	7B	Thôn Đồng Đạng, Xã Sơn Dương, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TRƯỜNG THCS LÊ LỢI							-	
518	1	Phan Anh Duy	01/11/2012	6A1	Thôn Đè E, xã Lê Lợi, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
519	2	Nguyễn Lý Nhật Minh	09/10/2012	6A1	Thôn Tân Tiến, xã Lê Lợi, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
520	3	Đàm Quang Hiếu	18/01/2013	6A2	Thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
521	4	Nguyễn Văn Quyền	10/9/2013	6A3	Thôn Tân Tiến, xã Lê Lợi, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
522	5	Nguyễn Ngọc Hạnh	21/01/2013	6A3	Thôn An Biên 1, xã Lê Lợi, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
523	6	Vũ Đức Huy	30/09/2011	7A1	Thôn An biên 2, xã Lê Lợi, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
524	7	Phạm Đông Y	08/08/2011	7A2	Thôn An biên 2, xã Lê Lợi, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
525	8	Vũ Văn Thành	25/9/2011	7A3	Thôn Bằng Xăm, xã Lê Lợi, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
526	9	Ngô Minh Tùng	12/09/2011	7A4	Thôn Bằng Xăm, Lê Lợi, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
527	10	Bùi Tuấn Kiệt	20/08/2011	8A1	Thôn An biên 2- xã Lê Lợi, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
528	11	Đoàn Trung Thành	11/12/2011	8A3	Thôn An Phú, Xã Tân Thịnh, Huyện Chiêm Hóa, Tỉnh Tuyên Quang	Học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo	14	150,000	2,100,000	Khoản 3 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
529	12	Nguyễn Đức Duy	16/03/2010	8A1	Thôn Tân Tiến, xã Lê Lợi, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
530	13	Hoàng Quốc Việt	05/09/2010	9A2	Thôn Đè E- xã Lê Lợi, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
531	14	Đoàn Mã Hoài Thương	23/01/2010	9A2	Thôn An Phú, Xã Tân Thịnh, Huyện Chiêm Hóa, Tỉnh Tuyên Quang	Học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo	14	150,000	2,100,000	Khoản 3 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
532	15	Lê Quý Hải	17/12/2010	9A3	Thôn Tân Tiến, xã Lê Lợi, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TH-THCS Hùng Thắng							-	
533	1	Bùi Duy Anh	28/01/2007	9B	Tổ 2 - Khu 1 - phường Hùng Thắng - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
534	2	Đặng Phúc Ngọc Diệp	29/03/2011	8C	Văn Đức - Gia Lâm - Hà Nội	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
535	3	Nguyễn Thị Trà My	07/08/2010	9A	Phù Long - Cát Hải - Hải Phòng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
536	4	Đỗ Tuấn Kiệt	10/10/2013	5A	CC Sunrise - Tổ 7 - khu 2 - phường Hùng Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
537	5	Nguyễn Ngọc Minh Khar	30/11/2013	5C	Tổ 15 - Khu 4B - phường Hùng Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
538	6	Lê Thị Trà My	21/03/2012	6B	Cộng Hòa - Hưng Hà - Thái Bình	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
539	7	Phạm Việt Phong	23/01/2011	7B	Tổ 14 - Khu 4B - phường Hùng Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
540	8	Nguyễn Vũ Cát Tường	24/09/2013	5D	Tổ 7B - Khu 9B - phường Bãi Cháy, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
541	9	Nguyễn Duy Minh Hằng	13/07/2009	9B	Tổ 45B - Khu 4A - Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
542	10	Nguyễn Quang Huy	20/08/2015	4C	Tổ 4 - Khu 1 - phường Hùng Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
543	11	Phạm Đăng Khôi	14/05/2013	5B	Tổ 5C - Khu 2 - phường Hùng Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
544	12	Hoàng Minh Khang	16/07/2016	3C	Tổ 16 - Khu 4B - phường Hùng Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
545	13	Nguyễn Thùy Linh	20/04/2013	5D	Tổ 9C - Khu 3 - phường Hùng Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
546	14	Nguyễn Thiện Minh	29/09/2015	3A	Tổ 9C - Khu 3 - phường Hùng Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
547	15	Lê Ngọc Quang Anh	24/11/2010	9C	Tổ 1C - Khu 1 - Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
548	16	Đào Khánh Nhật Anh	07/01/2016	3B	Tổ 18 - Khu 2 - phường Hà Khẩu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
549	17	Phạm Trung Hiếu	07/10/2011	8A	Tổ 5 - Khu 3 - Phường Hồng Gai, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
550	18	Phạm Công Tâm	24/12/2017	1B	Tổ 8A - Khu 3 - phường Hùng Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
551	19	Lưu Thịnh Quyền Quý	09/10//2014	2A	Tổ 10B - Khu 4A - phường Hùng Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
552	20	Phạm Trung Anh	29/05//2015	3D	Tổ 10C - Khu 4A - phường Hùng Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
553	19	Lường Đình Cẩm Hương	13/01/2009	9A	Tổ 5c - Khu 2 - phường Hùng Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
554	20	JOSEPH ANH OZIERSKI	08/11/2017	1A	Tổ 33 - Khu 3 - Cẩm Thủy - Cẩm Phả	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
555	21	Nguyễn Văn Thắng	29/01/2018	4A	Tổ 8- Khu 2 - phường Hùng Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	8	150,000	1,200,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
556	22	Nguyễn Hào Nam	13/12/2014	4A	Tổ 7- Khu 2 - phường Hùng Thắng, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TH-THCS Tuần Châu							-	
557	1	Nguyễn Tuấn Kiệt	07/10/2016	3	Tổ 1, khu 1, phường Tuần Châu, Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
558	2	Trần Anh Tuấn	27/06/2015	4	Tổ 11, khu 2, phường Tuân Châu, Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
559	3	Lê Quang Anh	28/08/2012	6	Tổ 22, khu 5, phường Tuân Châu, Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
560	4	Vũ Thị Hải Yến	24/08/2012	7	Tổ 93, khu Đồn Điền, phường Hà Khẩu, Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
561	5	Nguyễn Quốc Cường	26/9/2011	8A1	Tổ 2, khu 1, phường Tuân Châu, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TH-THCS Bãi Cháy 2							-	
562	1	Bùi Thảo Vy	04/05/2012	6A4	Tổ 12 - khu 4 - phường Bãi Cháy - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 điều 18 NDD/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
563	2	Vũ Gia Hân	16/10/2013	6A5	Tổ 4 - khu 1 - phường Bãi Cháy - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 điều 18 NDD/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
564	3	Vũ Hoàng Lâm	12/04/2012	7A1	Tổ 4 - khu 1 - phường Bãi Cháy - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 điều 18 NDD/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
565	4	Lê Ngân Hà	12/06/2012	7A3	Tổ 10 - khu 2 - phường Bãi Cháy - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 điều 18 NDD/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
566	5	Phạm Đình Phong	09/06/2013	6A4	Tổ 10 - khu 3 - phường Bãi Cháy - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 điều 18 NDD/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
567	6	Nguyễn Duy Đức Anh	22/02/2011	8A2	Tổ 1 - khu 1 - phường Bãi Cháy - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 điều 18 NDD/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
568	7	Nguyễn Hữu Bảo An	05/10/2010	9A1	Tổ 7 - khu 2 - phường Bãi Cháy - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 điều 18 NDD/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
569	8	Vũ Thị Hồng Phương	03/09/2010	7A4	Tổ 10 - khu 3 - phường Bãi Cháy - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 điều 18 NDD/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
570	9	Phạm Vũ Gia Hưng	09/10/2017	2A5	Tổ 6 - khu 10 - phường Bãi Cháy - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 điều 18 NDD/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
571	10	Vũ Ngọc Hưng	23/11/2018	1A2	Tổ 5 - khu 3 - phường Bãi Cháy - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 điều 18 NDD/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
572	11	Vương Gia Huy	28/05/2016	2A3	Tổ 6 - khu 2 - phường Bãi Cháy - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 điều 18 NDD/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TH-THCS Minh Khai							-	
573	1	Bùi Anh Thư	16/06/1917	Lớp 1A4	Tổ 46, khu 5, Hà Phôn , TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
574	2	Tạ Minh Bảo	17/07/2016	Lớp 2A4	Tổ 53A, khu 6A, Hà Phong, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
575	3	Lê Thị Phương Thảo	16/02/2016	Lớp 3A3	Tổ 49B, khu 6A, Hà Phong, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
576	4	Lam Tùng Anh	02/06/2016	Lớp 3A3	Tổ 43, khu 5, Hà Phong, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
577	5	Vũ Đức Duy	14/10/2016	Lớp 3A4	Tổ 59, khu 6B Hà Phong, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
578	6	Nguyễn Thị Trà My	15/04/2014	Lớp 4A1	Tổ 53A, Khu 6A, Hà Phong, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
579	7	Đỗ Hoài An	13/05/2015	Lớp 4A2	Tổ 22, Khu2B, Hà Phong, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
580	8	Hà Quang Vinh	15/07/2025	Lớp 4A3	Tổ 58A, khu 6B Hà Phong, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
581	9	Nguyễn Trà My	19/02/2015	Lớp 4A4	Tổ 48A, khu 4B, Hà Phong, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
582	10	Nguyễn Đức Anh	02/12/2013	Lớp 5A1	Tổ 53A, khu 6A Hà Phong, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
583	11	Bùi Văn Khiêm	29/06/2013	Lớp 6A1	Tổ 65, khu 8, Hà Phong, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
584	12	Phạm Quang Minh	07/09/2013	Lớp 6A2	Tổ 18, Khu 2B, Hà Phong, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
585	13	Nguyễn Gia Huy	28/02/2011	Lớp 6A3	Tổ 48A, khu 4B, Hà Phong, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
586	14	Vũ Gia Hưng	19/12/2013	Lớp 6A4	Tổ 8A, Khu 1, Hà Phong, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
587	15	Trương Nguyễn Minh Hu	26/04/2012	Lớp 7A4	Tổ 25, Khu3, Hà Phong, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
588	16	Phạm Hồng Sơn	19/03/2010	Lớp 8A2	Tổ 43, Khu 5, Hà Phong, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
589	17	Đào Huyền My	14/10/2011	Lớp 8A2	Tổ 40, Khu 5, Hà Phong, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
590	18	Nguyễn Nam Phong	21/032011	Lớp 8A3	Tổ 12A, Khu2A, Hà Phong, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
591	19	Phạm Đình Đàm	12/12/2011	Lớp 8A4	Tổ 5, khu 2, Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
592	20	Trương Thùy Dương	14/12/2007	Lớp 9A1	Tổ 38A, Khu 4B, Hà Phong, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
593	21	Trần Bảo Thanh	05/11/2010	Lớp 9A2	Tổ 15A, Khu 2A, Hà Phong, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
594	22	Lục Phạm Bảo Nam	07/02/2009	Lớp 9A3	Tổ 48A, khu 4B, Hà Phong, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TH-THCS Nguyễn Viết Xuân							-	
595	1	Hoàng Gia Bảo	22/04/2017	1A	Tổ 19B, khu 3, phường Hà Khánh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
596	2	Lưu Kiều Chi	23/02/2018	1B	Tổ 23, khu 4, phường Hà Khánh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
597	3	Lý Đức Hoàng Lâm	04/12/2017	2A	Tổ 33B, khu 5, phường Hà Khánh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
598	4	Nguyễn Bảo Linh	04/12/2017	2B	Tổ 26, khu 4, phường Hà Khánh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
599	5	Lê Anh Tuấn	24/03/2015	3A	Tổ 25B, khu 4, phường Hà Khánh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
600	6	Phạm Ngọc Phú	13/02/2015	4A	Tổ 19C, khu 3, Phường Hà Khánh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
601	7	Bùi Huy Sơn	28/11/2015	4B	Tổ 19C, khu 3, Phường Hà Khánh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
602	8	Bùi Nguyễn Minh Tú	30/10/2014	5A	Tổ 18, khu 3, phường Hà Khánh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
603	9	Trần Thị Bảo Ngọc	12/09/2012	5B	Tổ 28, khu 5, phường Hà Khánh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
604	10	Thân Việt Hưng	20/10/2011	6A	Tổ 25, khu 4, phường Hà Khánh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ	9	150,000	1,350,000	Khoản 1, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
605	11	Tạ Vũ Phương Vy	29/04/2010	8A	Tổ 48B, Khu 4A, phường Cao Xanh, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TH-THCS Thống Nhất							-	
606	1	Trịnh Tuyết Nhi	14/02/2016	3A2	Thôn Đồng Cao - Thống Nhất, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
607	2	Đỗ Thanh Bình	25/03/2014	5A2	Thôn Chợ - Thống Nhất, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
608	3	Bùi Ngọc Yến Nhi	14/09/2013	5A3	Thôn Đất Đỏ - Xã Thống Nhất, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
609	4	Ngô Quang Trường	03/05/2013	5A1	Thôn Làng - Thống Nhất, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
610	5	Trịnh Ngọc Hân	16/02/2013	5A4	Thôn Chân Đèo - Thống Nhất, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
611	6	Nguyễn Quốc Huy	01/01/2014	5A4	Thôn Chân Đèo, xã Thống Nhất, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
612	7	Đỗ Việt Lâm	16/10/2012	6A1	Thôn làng - Thống nhất, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
613	8	Đinh Tiến Đạt	27/01/2010	6A4	Thôn Đình - Thống Nhất, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
614	9	Vũ Đức Duy	26/09/2011	7A2	Thôn bốn - Thống Nhất, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
615	10	Đỗ Anh Nhất	15/10/2007	9A1	Thôn Chợ -Thống Nhất, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
616	11	Đặng Thị Xuân	16/06/2009	9A1	Thôn Đồng Cao - Thống nhất, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
617	12	Từ Thị Mai Trang	03/11/2010	9a2	Thôn Làng- Thống Nhất, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
618	13	Lương Thuỳ Lâm	14/02/2010	9A3	Thôn chợ - Thống Nhất, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
		Trường TH&THCS Núi Mần							-	
619	1	Vũ Triệu Hạ Băng	09/12/2018	1A1	Thôn Đá Trắng - Thống Nhất, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
620	2	Triệu Chu Gia Hân	21/10/2017	2A1	Thôn Đá Trắng - Thống Nhất, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
621	3	Trần Minh Quân	28/12/2012	3A1	Thôn Xích thổ- Thống Nhất, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
622	4	Đặng Phúc Ngân	10/04/2015	4a2	Thôn Đá Trắng - Thống Nhất, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
623	5	Bùi Văn Kiên	28/12/2012	6A	Thôn Đình - Thống Nhất, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
624	6	Nguyễn Hoàng Thu Thảo	05/05/2012	6B	Thôn Xích Thổ- Thống Nhất, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
		TH-THCS Dân Chủ - Quảng La							-	
625	1	Nguyễn Văn Vịnh	21/12/2016	2C	Thôn 1, xã Quảng La, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
626	2	Lý Như Bình	18/11/2014	3B	Thôn 4, xã Quảng La, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
627	3	Nguyễn Bích Ngọc	09/02/2015	3C	Thôn 1, xã Quảng La, , TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
628	4	Linh Tài Nguyên	01/11/2014	4C	Đất Đỏ, xã Tân Dân, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
629	5	Nhâm Mạnh Tuấn	23/08/2013	6A	Thôn 2, xã Dân Chủ, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
630	6	Phạm Thị Lệ Quyên	27/05/2011	7A	Thôn 1, xã Dân Chủ, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
631	7	Lê Tuấn Anh	30/05/2010	7A	Thôn Đồng Đăng, xã Sơn Dương, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
632	8	Hoàng Minh Vũ	11/02/2011	7A	Thôn 2, xã Dân Chủ, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
633	9	Nguyễn Văn Chiến	22/12/2009	8A	Đồng Đăng, Sơn Dương, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
		TH-THCS Bằng Cả							-	
634	1	Trần Lý Yến Đào	14/10/2016	3B	Thôn 1-Xã Quảng La, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
635	2	Lý Thị Hương Dịu	10/11/2013	5A	Thôn 1-Xã Bằng Cả, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
636	3	Đặng Bảo Ngọc	07/02/2012	4A	Thôn 2-Xã Bằng Cả, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
637	4	Bản Bảo Ngọc	15/07/2016	2A	Thôn 1-Xã Bằng Cả, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
638	5	Bằng Đức Bình	22/08/2014	5B	Thôn 2-Xã Bằng Cả, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
639	6	Đặng Hữu Được	11/06/2016	3B	Thôn 2-Xã Bằng Cả, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
640	7	Trương Thế Bảo	11/09/2010	4B	Thôn 1-Xã Bằng Cả, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
641	8	Nguyễn Văn Long	13/01/2011	5A	Thôn 1-Xã Bằng Cả, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
642	9	Lý Thị Yến Nhi	02/10/2010	7A	Thôn 1-Xã Bằng Cả, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
643	10	Đặng Diễm Ngọc Nhi	02/02/2012	6A	Thôn 2-Xã Bằng Cả, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
644	11	Lý Quốc Tường	31/07/2010	6A	Thôn 1-Xã Bằng Cả, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
645	12	Lý Tuấn Tú	13/08/2013	6A	Thôn 3-Xã Bằng Cả, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
		TH-THCS Tân Dân							-	
646	1	Triệu Quý Thăng	01/02/2014	3a2	Thôn Bằng Anh, xã Tân Dân, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
647	2	Lý Hữu Long	27/7/2013	4a1	Thôn Đồng Mừng, xã Tân Dân, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
648	3	Triệu Thị Hòa	10/03/2014	4a2	Thôn Khe Cát, xã Tân Dân, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
649	4	Triệu Thị Năm	04/06/2013	5a2	Thôn Đồng Mừng, xã Tân Dân, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
650	5	Lý Sinh Hải	26/12/2010	7	Thôn Đồng Mừng, xã Tân Dân, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
651	6	Nguyễn Minh Toàn	06/03/2011	7	Thôn Tân Lập, xã Tân Dân, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
652	7	Lý Sinh Dương	08/10/2011	8	Thôn Đồng Mừng, xã Tân Dân, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
653	8	Bản Thị Dương	11/09/2011	8	Thôn Khe Cát, xã Tân Dân, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
654	9	Nguyễn Hà My	25/8/2010	9	Thôn Khe Cát, xã Tân Dân, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TH-THCS Đồng Lâm 1							-	
653	1	Đặng Ngọc Lân	14/10/2012	4	Thôn Đồng Quảng, xã Đồng Lâm, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
654	2	Triệu Thị Quyên	07/03/2012	7	Thôn Đồng Quảng, xã Đồng Lâm, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
655	3	Triệu Sinh Tuấn	07/10/2011	8	Thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
656	4	Triệu Tiến Nam	08/10/2011	8	Thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
657	5	Triệu Sinh Ngân	26/07/2009	9	Thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TH-THCS Đồng Lâm 2							-	
658	1	Lý Văn Biểu	12/12/2017	2	Thôn Cài, xã Đồng Lâm, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
659	2	Bản Thị Nhi	25/6/2018	2	Thôn Khe Lèn, xã Đồng Lâm, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
660	3	Triệu Thị Linh	10/05/2016	3	Thôn Khe Lèn, xã Đồng Lâm, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
661	4	Triệu Lê Nguyễn	04/10/2011	4	Thôn Cài, xã Đồng Lâm, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
662	5	Triệu Kim Hào	11/04/2015	4	Thôn Khe Lèn, xã Đồng Lâm, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
663	6	Linh Du Phúc	15/7/2013	6	Thôn Đèo Độc, xã Đồng Lâm, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
664	7	Bản Phúc Sang	27/08/2011	8	Thôn Khe Lèn, xã Đồng Lâm, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
665	8	Đặng Thị Duyên	01/10/2011	8	Thôn Cài, xã Đồng Lâm, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
666	9	Lý Văn Hưởng	19/12/2010	9	Thôn Cài, xã Đồng Lâm, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TH-THCS Đồng Sơn							-	
667	1	Triệu Quý Đức	28/06/2011	Lớp 8A	Thôn Tân Ốc 1, xã Đồng Sơn, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
668	2	Lý Văn Tuấn Kiệt	01/10/2011	Lớp 8A	Thôn Phú Liễn, xã Đồng Sơn, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
669	3	Đặng Nhật Thế	10/09/2018	Lớp 1A1	Tân Ốc II- Đồng Sơn, TP Hạ	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
670	4	Bản Gia Bảo	12/04/2016	Lớp 3A1	Thôn Tân Ốc 1, xã Đồng Sơn, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
671	5	Lý Sinh Tuyền	08/06/2014	Lớp 5A1	Thôn Tân Ốc 1, xã Đồng Sơn, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
672	6	Lý Phúc Sáng	11/02/2015	Lớp 4A1	Thôn Tân Ốc 1, xã Đồng Sơn, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TH-THCS Kỳ Thượng							-	
673	1	Bản Văn Đạt	12/10/2017	2A	Thôn Khe Tre, xã Kỳ Thượng, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
674	2	Bản Hữu Thanh	24/05/2012	7A	Thôn Khe Tre, xã Kỳ Thượng, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
675	3	Trịnh Thị Tươi	25/07/2011	8A	Thôn Khe Tre, xã Kỳ Thượng, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
676	4	Linh Tài Thành	28/09/2010	9A	Thôn Khe Tre, xã Kỳ Thượng, Tp Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
		TH-THCS Hà Trung							-	
677	1	Trịnh Tuấn Minh	3/3/2018	1A1	Tổ 31 - Khu 3 - phường Hà Trung - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
678	2	Nguyễn Hạ Vy	16/03/2017	1A2	Tổ 39 - Khu 4 - phường Hà Trung - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
679	3	Đào Duy Anh	09/05/2017	1A3	Tổ 31 - Khu 3 - phường Hà Trung - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
680	4	Dương Gia Bảo	06/09/2015	3A1	Tổ 34 - Khu 4 - phường Hà Trung - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
681	5	Hoàng Anh Quân	29/09/2016	3A4	Tổ 44 - Khu 4 - phường Hà Trung - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
682	6	Phạm Nguyễn Hà Linh	29/06/2015	4A2	Tổ 34 - Khu 4 - phường Hà Trung - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
683	7	Tường Văn Hùng	21/07/2011	6B	Tổ 31 - Khu 3 - phường Hà Trung - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
684	8	Tráng Thành Công	05/01/2013	6B	Tổ 2 - Khu 1 - phường Hà Trung - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo	9	150,000	1,350,000	Khoản 3 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
685	9	Đoàn Hoàng Anh	11/03/2011	7A	Tổ 13 - Khu 2 - phường Hà Trung - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
686	10	Nguyễn Hải Ninh	07/09/2011	7B	Tổ 32 - Khu 3 - phường Hà Trung - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
		Tổng cộng							944,550,000	
687	11	Lê Tiến Đạt	04/09/2012	7D	Tổ 32 - Khu 3 - phường Hà Trung - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
688	12	Hoàng Quang Huy	07/09/2011	8D	Tổ 47 - Khu 5 - phường Hà Trung - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
689	13	Thoòng Xuân Hiếu	20/09/2010	9B	Tổ 45 - Khu 4 - phường Hà Trung - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		Trường TH&THCS Hòa Bình							-	
690	1	Đặng Huy Tuấn	29/10/2013	6	Thôn Đồng Lá, xã Hòa Bình, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
691	2	Triệu Tuấn Tú	31/07/2011	8	Thôn Thác Cát, xã Hòa Bình, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
692	3	Triệu Văn Trương	17/7/2017	2	Thôn Đồng Lá, xã Hòa Bình, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
693	4	Linh Phúc Liên	04/08/2016	3	Thôn Đồng Lá, xã Hòa Bình, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
694	5	Đặng Bảo Nam	12/02/2015	4	Thôn Thác Cát, xã Hòa Bình, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
695	6	Lý Việt Đức	17/01/2017	2	Thôn Đồng Lá, xã Hòa Bình, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150,000	1,350,000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
	695								-	

Ấn định danh sách: 695 học sinh